

**KẾ HOẠCH BAY NGÀY 06/11/2025**

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		P9+VSP01+TGTH4	7:25	2+14+5	0+0+0		0+16+4	0+0+0	
2		SAVR+RC8+RC5	7:25	16+0+0	0+0+0		17+1+0	0+0+0	chuyen 4 rc8-rc5
3		T.LUNG	7:25	19	0		19	0	
4		HST+TGTH5+TTC2	9:25	6+5+10	0+0+0		0+7+13	0+0+0	
5		P8+RC6+SAVR	9:25	3+0+11	0+0+0		2+0+14	0+0+0	chuyen 9 p8-rc6
6		AMD+HST	11:25	16+4	0+0		16+6	0+0	
7		VSP01+CTK3+CLO	11:25	20+0+0	0+0+0		13+5+3	0+0+0	

TTBDSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.  
 1/ Đi về trong ngày HST-6ung



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 06/11/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 07:30
B.CARD: XANH-1	TO: P9 - VSP01 - TGTH4	CREW: HUNG - TTRUNG - THỤ	ETA: 09:20
VSP FLIGHT: 1		VNHS FLIGHT: TM25/4385	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	TRẦN QUỐC VIỆT	P9	400	1	15	3	35	66	XAYLAP	Vietnamese
2	TRẦN HOANG HAI	P9	31-32	2	7			73	PSV	Vietnamese
3	CHERNYSHEV V.A	VSP01	31	1	12			109	KH-THAC	Russian
4	VÕ QUANG HUY	VSP01	45-46	2	19			75	KH-THAC	Vietnamese
5	TRƯỜNG THANH PHÚ	VSP01						67	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN VĂN TUẤN	VSP01	39	1	7			72	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN DUY PHÚC	VSP01	42	1	8			78	KH-THAC	Vietnamese
8	NGO XUÂN ĐỨC	VSP01	38	1	8			78	KH-THAC	Vietnamese
9	TRẦN ANH TUẤN	VSP01						69	KH-THAC	Vietnamese
10	HOANG TRỌNG CHUNG	VSP01	40-41	2	12			78	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN ĐỨC THÔNG	VSP01	36-37	2	16			86	KH-THAC	Vietnamese
12	ARTIUSHIN S.I	VSP01	43	1	10			90	ANTOAN	Russian
13	ĐẶNG BÀ ĐIỀU	VSP01	34-35	2	10			56	YTE	Vietnamese
14	DOÀN VIỆT ĐĂNG	VSP01	32	1	10			74	KH-THAC	Vietnamese
15	DANG VIET THANH	VSP01	44	1	4			63	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN VĂN NGHĨA	VSP01	33	1	2			73	KH-THAC	Vietnamese
17	PHUNG MINH HAI	TGTH4	76	1	8			68	HLJOC	Vietnamese
18	PHẠM TẤN ANH ĐỨC	TGTH4	68-69	2	11			66	KH-THAC	Vietnamese
19	LÊ VINH QUANG	TGTH4	73-74	2	9	1	10	65	KH-THAC	Vietnamese
20	VÌ TRẦN TẤN THUẬN	TGTH4	71-72	2	12			68	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYỄN ĐÌNH TIẾN	TGTH4	70	1	4			57	PSV	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	P9	2	139	3	22	3	35	1		
2	VSP01	14	1.068	16	118	0	0	16		
3	TGTH4	5	324	8	44	1	10	4		
<b>TOTAL</b>		<b>21</b>	<b>1.531</b>	<b>27</b>	<b>184</b>	<b>4</b>	<b>45</b>	<b>21</b>		
<b>WEIGHT KG</b>			<b>1.531</b>		<b>184</b>		<b>45</b>			

GRAND TOAL: 1.760 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

ĐINH THỊ HOA

CREW

LÊ QUÝ HUNG  
NGUYỄN THÀNH TRUNG





# FLIGHT MANIFEST



DATE: 06/11/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:35
B.CARD: CAM-1	TO:SAVR- RC8 - RC5	CREW: QVIỆT - CHIẾN - NNAM	ETA: 09:25
VSP FLIGHT: 2		VNHS FLIGHT: TM25/4388	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	TOLSTYKH ANDREI	SAVR	13-14	2	17			75	AMNGR	Russian
2	KOLPAK VLADIMIR	SAVR	07-08	2	15			103	AMNGR	Russian
3	PHẠM VĂN CAO	SAVR	30	1	12			59	XAYLAP	Vietnamese
4	TRẦN NGỌC DUY	SAVR	09	1	11			67	XAYLAP	Vietnamese
5	HÀ ĐỨC KHÁNH	SAVR	28	1	16			69	XAYLAP	Vietnamese
6	NGUYỄN HOÀNG ANH DŨNG	SAVR	24-25	2	16			70	PVD LOGGI	Vietnamese
7	ARKHIPOV ANDREI	SAVR	22-23	2	14			111	AMNGR	Russian
8	IAKANIN IAROSLAV	SAVR	26	1	6			80	AMNGR	Russian
9	SACHOK VALERII	SAVR	27	1	8			82	AMNGR	Russian
10	BOGOMOLOV EVGENII	SAVR	17	1	4			92	AMNGR	Russian
11	AREFEV ANDREI	SAVR	18-19	2	9			101	AMNGR	Russian
12	HOANG BA THANG	SAVR	29	1	15	1	25	61	DVL	Vietnamese
13	SOROKACHI VLADIMIR	SAVR	20-21	2	20			83	AMNGR	Russian
14	RODNIKOV STANISLAV	SAVR	15-16	2	9			73	AMNGR	Russian
15	KRAVTSOV VLADISLAV	SAVR	11-12	2	11			103	AMNGR	Russian
16	NIKITIN SERGEI	SAVR	10	1	8			85	AMNGR	Russian
17	NGUYEN CUONG TAN	SAVR	31	1	16			84	XAYLAP	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	SAVR	17	1.398	25	207	1	25	17		
2	RC8	0	0	0	0	0	0	0	17g	CHUYEN 4 PAX RC8-RC5
3	RC5	0	0	0	0	0	0	0		
<b>TOTAL</b>		<b>17</b>	<b>1.398</b>	<b>25</b>	<b>207</b>	<b>1</b>	<b>25</b>	<b>18</b>		
<b>WEIGHT KG</b>			<b>1.398</b>		<b>207</b>		<b>25</b>			

GRAND TOAL: 1.630 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

VŨ THỊ THU HƯƠNG

CREW

NGUYỄN QUANG VIỆT

ĐỖ VĂN CHIẾN

7 pax mang sac dư phòng



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 06/11/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 622	ETD: 07:40
B.CARD: VANG-1	TO: T.UNG	CREW: LTUAN - VLINH	ETA: 10:40
VSP FLIGHT: 3		VNHS FLIGHT: TM25/4378	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	NGUYEN TRUNG KIEN	T.UNG	33	1	2			63	KH-THAC	Vietnamese
2	TÔ MINH DƯƠNG	T.UNG	39	1	6			64	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYEN VU QUYEN	T.UNG	87	1	7			62	KH-THAC	Vietnamese
4	BUI TRỌNG SƠN	T.UNG	63	1	10			69	KH-THAC	Vietnamese
5	TÔ HUNG DUNG	T.UNG	83	1	4	1	20	73	KH-THAC	Vietnamese
6	VU TIEN VINH	T.UNG	82	1	3			65	KH-THAC	Vietnamese
7	LÊ NGỌC TOAN	T.UNG	85-86	2	13			67	KH-THAC	Vietnamese
8	KHÔNG THAI BINH	T.UNG	80	1	5			75	KH-THAC	Vietnamese
9	HỒ ĐÌNH HUY	T.UNG	34	1	5			65	KH-THAC	Vietnamese
10	VU QUANG THÔNG	T.UNG						69	KH-THAC	Vietnamese
11	ĐẶNG ĐÌNH THẮNG	T.UNG	62	1	3			71	KH-THAC	Vietnamese
12	THAI QUAN	T.UNG	60	1	8			66	KH-THAC	Vietnamese
13	TRẦN VĂN BĂNG	T.UNG	57-59	3	15			75	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYEN HOANG TUNG	T.UNG	81	1	5			66	GETRACO	Vietnamese
15	ĐẶNG ĐỨC ĐÔNG	T.UNG	61	1	4			83	GETRACO	Vietnamese
16	CAO QUANG HUNG	T.UNG	37-38	2	13			113	CODIEN	Vietnamese
17	TRẦN VĂN QUÂN 1977	T.UNG	35	1	7			72	PSV	Vietnamese
18	LÊ HOÀI NAM	T.UNG	30	1	4			58	PSV	Vietnamese
19	PHẠM TRẦN THANH PHÚC	T.UNG	36	1	4			86	PSV	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	T.UNG	19	1.362	22	118	1	20	19		
<b>TOTAL</b>		<b>19</b>	<b>1.362</b>	<b>22</b>	<b>118</b>	<b>1</b>	<b>20</b>	<b>19</b>		
<b>WEIGHT KG</b>			<b>1.362</b>		<b>118</b>		<b>20</b>			

GRAND TOAL: 1.500 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

ĐỖ THỊ HẢI YÊN

CREW

LƯƠNG MẠNH TUẤN

TRỊNH VINH LINH



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 06/11/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 09:50
B.CARD: VANG-2	TO: HST - TGTH5 - TTC2	CREW: HUNG - TTRUNG - THU	ETA: 11:40
VSP FLIGHT: 4		VNHS FLIGHT: TM25/4386	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	VU MINH DUC	HST						74	TLJOC	Vietnamese
2	PHAN VIET DUNG	HST	03	1	4			70	TLJOC	Vietnamese
3	TRAN TRUNG HIEU	HST	04	1	3			70	TLJOC	Vietnamese
4	CHU VAN LUONG	HST						70	KH-THAC	Vietnamese
5	ĐẶNG VIỆT HOANG	HST						66	KH-THAC	Vietnamese
6	TRẦN MINH	HST						78	KH-THAC	Vietnamese
7	TRAN MINH KIEN	TGTH5	37	1	6	1	16	68	HLJOC	Vietnamese
8	THAI THANH THAO	TGTH5	41	1	5			74	KH-THAC	Vietnamese
9	PHẠM ANH ĐỨC	TGTH5	40	1	11			71	KH-THAC	Vietnamese
10	HUYNH PHÚC AM	TGTH5	38	1	5			66	KH-THAC	Vietnamese
11	ĐẶNG NHAN ĐỨC	TGTH5	39	1	6			69	PSV	Vietnamese
12	LÊ VĂN GIANG	TTC2	56	1	13	1	15	75	XAYLAP	Vietnamese
13	PHẠM MINH ĐỨC	TTC2	22-23	2	17	2	35	88	XAYLAP	Vietnamese
14	NGUYỄN BA SƠN	TTC2	48-49	2	19			64	XAYLAP	Vietnamese
15	NGUYỄN HỒNG TỊNH	TTC2	67,19	2	21			81	XAYLAP	Vietnamese
16	PHẠM VĂN ĐÔNG	TTC2	20-21	2	21			55	XAYLAP	Vietnamese
17	NGUYỄN VĂN NAM	TTC2	50	1	8	1	17	68	XAYLAP	Vietnamese
18	HOANG XUAN THIN	TTC2	54	1	14	1	8	59	XAYLAP	Vietnamese
19	NGUYỄN TRỌNG QUÊ	TTC2	52-53	2	20			72	XAYLAP	Vietnamese
20	HOANG VAN NGOC	TTC2	25	1	14	1	10	52	XAYLAP	Vietnamese
21	NGUYỄN THANH HAI	TTC2	96	1	15	1	15	80	XAYLAP	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	HST	6	428	2	7	0	0	0		
2	TGTH5	5	348	5	33	1	16	7		
3	TTC2	10	694	15	162	7	100	13		
<b>TOTAL</b>		<b>21</b>	<b>1.470</b>	<b>22</b>	<b>202</b>	<b>8</b>	<b>116</b>	<b>20</b>		
<b>WEIGHT KG</b>			<b>1.470</b>		<b>202</b>		<b>116</b>			

GRAND TOAL: 1.788 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CREW

NGUYỄN THỨC HÀ

BÙI THỊ HIÊN LƯƠNG

LÊ QUÝ HUNG  
NGUYỄN THÀNH TRUNG



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 06/11/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:55
B.CARD: CAM-2	TO: P8 - RC6 - SAVR	CREW: VIỆT - CHIẾN - NNAM	ETA: 11:45
VSP FLIGHT: 5		VNHS FLIGHT: TM25/4389	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	TRINH BA ĐÔNG	P8	91-92	2	8			61	KH-THAC	Vietnamese
2	TẠ VAN CUÔNG	P8	94	1	3			70	KH-THAC	Vietnamese
3	LIU VIỆT DŨNG	P8	93	1	4			85	KH-THAC	Vietnamese
4	VAVILIN IVAN	SAVR	35-36	2	15			96	AMNGR	Russian
5	VOZHENKO GEORGII	SAVR	34	1	5			83	AMNGR	Russian
6	MAMATOV DENIS	SAVR	37-38	2	15			85	AMNGR	Russian
7	PHAN QUYẾT CHIẾN	SAVR	42	1	8			66	AMNGR	Vietnamese
8	NGUYỄN HAI HUNG	SAVR	41	1	9			80	AMNGR	Vietnamese
9	GIANG MINH TRUÔNG	SAVR	45	1	6			93	AMNGR	Vietnamese
10	CHERNUSHENKO VLADIMIR	SAVR	39-40	2	10			86	AMNGR	Russian
11	DOAN MINH QUOC	SAVR	43-44	2	15			58	AMNGR	Vietnamese
12	LE HONG SON	SAVR	46	1	5			65	AMNGR	Vietnamese
13	KARIMOV ILLUR	SAVR	33	1	12			75	AMNGR	Russian

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	P8	3	216	4	15	0	0	2	9	CHUYEN 9 PAX P8-RC6
2	RC6	0	0	0	0	2	40	0		
3	SAVR	10	787	14	100	0	0	14		
<b>TOTAL</b>		<b>13</b>	<b>1.003</b>	<b>18</b>	<b>115</b>	<b>2</b>	<b>40</b>	<b>16</b>		
<b>WEIGHT KG</b>			<b>1.003</b>		<b>115</b>		<b>40</b>			

GRAND TOAL: 1.158 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CREW

NGUYỄN THỨC HÀ

ĐINH THỊ HOA

NGUYỄN QUANG VIỆT

ĐỖ VĂN CHIẾN





# FLIGHT MANIFEST



DATE: 06/11/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 12:10
B.CARD: XANH-3	TO: AMD - HST	CREW: LINH - ĐNAM - TOAN	ETA: 14:00
VSP FLIGHT: 6		VNHS FLIGHT: TM25/4387	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	NGUYEN VAN AN	AMD	51	1	8	4	70	56	KH-THAC	Vietnamese
2	PHAM VAN LAM	AMD	47	1	8	1	10	76	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYEN NGOC ĐỨC	AMD	52	1	5			89	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYEN THANH TÂN	AMD	60	1	9			76	KH-THAC	Vietnamese
5	LÊ ĐỨC TÂM	AMD	62	1	11			71	KH-THAC	Vietnamese
6	TRẦN ĐÌNH HIỆU	AMD	56	1	5			71	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN VAN SON	AMD	54	1	6			65	KH-THAC	Vietnamese
8	BUI TRẦN LIÊM	AMD	48-49	2	9			62	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN VĂN TÂN	AMD	61	1	3			75	KH-THAC	Vietnamese
10	TÀNG XUÂN HAI	AMD	55	1	5			59	KH-THAC	Vietnamese
11	TRẦN HIỆU THẢO	AMD	59	1	5			59	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN HỮU THẢO	AMD	57	1	3			71	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYEN NGOC THƯ	AMD	58	1	9			67	KH-THAC	Vietnamese
14	TẠ MẠNH HÙNG	AMD	53	1	4			62	KH-THAC	Vietnamese
15	VŨ XUÂN ĐỨC	AMD	63-64	2	15			72	KH-THAC	Vietnamese
16	TRẦN VĂN QUYẾT	AMD	50	1	3			73	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN NGỌC THANH	HST	87-88	2	18	1	5	54	THIEN PHU	Vietnamese
18	LÊ VĂN LỢI	HST	23-25	3	19	1	20	59	THIEN PHU	Vietnamese
19	VŨ NGỌC DƯƠNG	HST	06-07	2	12			67	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN ĐỨC TOÀN	HST	21-22	2	15			58	T-TIN	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	AMD	16	1.104	18	108	5	80	16		
2	HST	4	238	9	64	2	25	6		
<b>TOTAL</b>		<b>20</b>	<b>1.342</b>	<b>27</b>	<b>172</b>	<b>7</b>	<b>105</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>			<b>1.342</b>		<b>172</b>		<b>105</b>			

GRAND TOAL: 1.619 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

VŨ THỊ THU HƯƠNG

CREW

NGÔ VĂN LINH  
NGUYỄN ĐỨC NAM



# FLIGHT MANIFEST



<b>DATE:</b> 06/11/2025	<b>FROM:</b> VT	<b>AIRCRAFT:</b> 420	<b>ETD:</b> 12:15
<b>B.CARD:</b> CAM-3	<b>TO:</b> VSP01 - CTK3 - CLO	<b>CREW:</b> VTHẮNG - N.ANH - THÀNH	<b>ETA:</b> 14:05
<b>VSP FLIGHT:</b> 7		<b>VNHS FLIGHT:</b> TM25/4390	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	NGUYỄN NGỌC BÈ	VSP01	02	1	8			61	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN QUỐC TUẤN	VSP01	10	1	9			67	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN SY HIỆU	VSP01	07-08	2	10			71	KH-THAC	Vietnamese
4	HUYNH VĂN THƠN	VSP01						73	KH-THAC	Vietnamese
5	PHAN DUY BÌNH	VSP01	15	1	3			89	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN CÔNG QUÂN	VSP01	11	1	3			62	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN HUY THÔNG	VSP01	04	1	4			69	KH-THAC	Vietnamese
8	PHẠM HUY BÌNH	VSP01	14	1	2			65	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN BA NGỌC	VSP01	01	1	6			57	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN ANH THẮNG	VSP01	06	1	5			62	KH-THAC	Vietnamese
11	TRẦN THẾ CƯỜNG	VSP01	09	1	5			75	KH-THAC	Vietnamese
12	TRẦN KIM	VSP01	12	1	9			70	KH-THAC	Vietnamese
13	TRẦN XUÂN THUY	VSP01	05	1	4			80	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN THẾ HIỆN	VSP01	16-19	4	19			62	GOTCO	Vietnamese
15	ĐỖ DUY QUANG	VSP01	26-27	2	7			62	GOTCO	Vietnamese
16	BUI ĐỊNH THỊNH	VSP01	24	1	7	1	18	59	MATESECO	Vietnamese
17	ĐOÀN MẠNH GIỚI	VSP01	22	1	8	1	22	78	MATESECO	Vietnamese
18	NGUYỄN XUÂN HẠNH	VSP01	13	1	7			68	PSV	Vietnamese
19	VÔ QUỐC ANH	VSP01	20-21	2	11			70	DK9	Vietnamese
20	LUU ĐỊNH LỰC	VSP01	03	1	4			64	KH-THAC	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	VSP01	20	1.364	25	131	2	40	13		
2	CTK3	0	0	0	0	0	0	5		
3	CLO	0	0	0	0	0	0	3		
<b>TOTAL</b>		<b>20</b>	<b>1.364</b>	<b>25</b>	<b>131</b>	<b>2</b>	<b>40</b>	<b>21</b>		
<b>WEIGHT KG</b>			<b>1.364</b>		<b>131</b>		<b>40</b>			

**GRAND TOAL: 1.535 KGS**

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

ĐẶNG THÚY ANH

CREW

NGÔ VĂN THẮNG  
NGHIÊM VIỆT ANH

